

Số: **450** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Quy hoạch phát triển thương mại
Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035”**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thương mại trong nước đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Quy hoạch phát triển thương mại Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035” (sau đây gọi là Đề án Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Một là, phát triển thương mại Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ (sau đây gọi là Vùng) trên cơ sở phát huy vai trò là hạt nhân của Vùng đồng bằng sông Hồng và khu vực phía Bắc, gắn kết chặt chẽ với các vùng kinh tế khác của cả nước.

Hai là, phát triển thương mại Vùng dựa trên cơ sở khai thác và phát huy hệ thống hạ tầng thương mại hiện có và các lợi thế so sánh của Vùng để phát triển nhanh và bền vững, tạo đột phá và làm nòng cốt thúc đẩy sự phát triển

thương mại nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung của khu vực phía Bắc và của cả nước.

Ba là, phát triển thương mại Vùng trên cơ sở thúc đẩy cạnh tranh, khơi thông và thu hút tối đa các nguồn lực đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo động lực thúc đẩy phát triển thương mại đa dạng, hiện đại và bền vững.

Bốn là, phát triển thương mại Vùng vừa đa dạng về quy mô, loại hình, vừa tập trung chuyên sâu về chất lượng, giá trị tạo ra trong từng lĩnh vực, tạo sự gắn kết hiệu quả, hài hòa giữa các loại hình kinh doanh truyền thống và hiện đại.

Năm là, phát triển thương mại Vùng trên cơ sở đẩy mạnh liên kết thương mại giữa các địa phương trong Vùng và với các địa phương khác trong cả nước; đồng thời thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo điều kiện ổn định thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại, mở rộng hội nhập; bảo đảm nâng cao chất lượng an sinh xã hội, bảo vệ môi trường.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Xây dựng một nền thương mại đa dạng, hiện đại, phát triển bền vững với tốc độ nhanh trên cơ sở khai thác có hiệu quả các tiềm năng và lợi thế của các địa phương trong Vùng, bảo đảm đáp ứng tốt yêu cầu phát triển trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

Tốc độ tăng trưởng GDP thương mại của Vùng đạt mức bình quân 15,5%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020, đạt bình quân 15%/năm trong giai đoạn 2021 - 2025 và đạt bình quân 13%/năm trong giai đoạn 2026 - 2035.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng xã hội của Vùng đạt mức bình quân 16%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020, đạt bình quân 15,5%/năm trong giai đoạn 2021 - 2025 và đạt bình quân khoảng 14%/năm trong giai đoạn 2026 - 2035.

Kim ngạch xuất khẩu của Vùng đạt mức bình quân 13,5%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020, đạt bình quân 12,5%/năm trong giai đoạn 2021 - 2025 và đạt bình quân khoảng 11%/năm trong giai đoạn 2026 - 2035. Kim ngạch nhập khẩu của Vùng đạt mức bình quân 13%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020, đạt bình quân 12%/năm trong giai đoạn 2021 - 2025 và đạt bình quân khoảng 10,5%/năm trong giai đoạn 2026 - 2035. Duy trì thặng dư cán cân thương mại bền vững.

Chuyển dịch cơ cấu các kênh phân phối hàng hóa, nâng tỷ trọng bán lẻ hàng hóa qua các loại hình thương mại hiện đại đạt khoảng 35 - 40% vào năm 2025 và 45 - 50% vào năm 2035.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng chung phát triển thương mại

Hiện đại hoá kết cấu hạ tầng thương mại, đầu tư phát triển các loại hình

thương mại hiện đại; tiếp tục củng cố, đầu tư phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ hiện có trên địa bàn.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tìm kiếm và phát triển thị trường xuất khẩu mới. Thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia sản xuất hàng xuất khẩu bằng việc tạo môi trường đầu tư thông thoáng, chính sách phù hợp, hấp dẫn. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu hàng nhập khẩu theo hướng gia tăng các nhóm hàng công nghệ mới, máy móc thiết bị hiện đại phục vụ phát triển công nghiệp.

Phát triển hình thức mua, bán, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa thông qua phương thức mua bán theo hợp đồng. Phát triển các mối liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp ở trong và ngoài vùng, hình thành hệ thống phân phối các sản phẩm có lợi thế của Vùng để chủ động tham gia vào mạng phân phối toàn cầu.

Phát triển mạng lưới thương mại ở nông thôn, trên cơ sở phát triển các chợ và các khu thương mại - dịch vụ tại thị trấn, thị tứ. Tổ chức tốt thị trường nông thôn, bảo đảm thuận lợi cho nông dân bán nông sản, mua vật tư cho sản xuất và hàng hóa tiêu dùng.

2. Định hướng không gian thị trường trong Vùng, liên Vùng và quốc tế

Tổ chức không gian thị trường của Vùng lấy trung tâm Hà Nội và vùng Thủ đô làm trung tâm thị trường của Vùng. Từ đó kết nối với các đô thị lớn trong Vùng gồm các thành phố như Hải Phòng, Hạ Long, Móng Cái, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên và kết nối với các vùng khác trong cả nước cũng như kết nối giao thương với thị trường ngoài nước.

Phát triển hai tiểu vùng gồm vùng Thủ đô Hà Nội và vùng duyên hải Hải Phòng - Quảng Ninh trong định hướng kết nối chủ yếu thông qua trục đường 18 nối giữa thành phố Hạ Long với thủ đô Hà Nội và các khu vực các tỉnh phía Bắc; phát triển không gian giao thương đường biển thông qua các cảng biển ở Quảng Ninh và Hải Phòng; mở rộng không gian nội Vùng thông qua nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông nội Vùng.

Kết nối không gian thị trường của Vùng với các vùng khác trong cả nước và thị trường ngoài nước thông qua các tuyến, hành lang vận tải chủ yếu gồm: Tuyến hành lang Bắc - Nam, hành lang Hà Nội - Hải Phòng, hành lang Hà Nội - Quảng Ninh, hành lang Hà Nội - Lào Cai, hành lang Hà Nội - Lạng Sơn, hành lang Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh; các cảng tổng hợp quốc gia và cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, cảng tổng hợp quốc gia và đầu mối khu vực Hòn Gai - Quảng Ninh; hệ thống các cảng cạn ICD nhằm kết nối, phục vụ hàng hóa thông qua cảng Hải Phòng và Quảng Ninh; hệ thống cảng hàng không gồm cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cảng hàng không quốc tế Cát Bi, cảng hàng không Gia Lâm và cảng hàng không Quảng Ninh.

3. Định hướng phát triển xuất nhập khẩu

Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản được sản xuất trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng hạn chế xuất thô, tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến và sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Tập trung đầu tư phát triển một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Vùng có kim ngạch xuất khẩu lớn với chủng loại phong phú, đa dạng.

Lựa chọn phương thức, hình thức nhập khẩu phù hợp với điều kiện và năng lực của Vùng, đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, thời hạn giao hàng và giảm tối đa chi phí nhập khẩu. Kết hợp chặt chẽ giữa nhập khẩu máy móc, thiết bị và hợp đồng lắp đặt, chuyển giao công nghệ.

4. Định hướng phát triển các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại

Tiếp tục thực hiện nhất quán định hướng thu hút các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại của Vùng theo hướng đa dạng hóa, huy động nguồn lực của mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp vào sự phát triển chung của Vùng.

Coi trọng phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh, đồng thời khuyến khích và thúc đẩy quá trình hình thành các doanh nghiệp lớn thông qua quá trình tích tụ và tập trung, xác lập sự liên kết giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ trong việc tổ chức thị trường, tạo sức mạnh để hợp tác và cạnh tranh có hiệu quả với các tập đoàn nước ngoài.

Tiếp tục tập trung phát triển sản xuất và kinh doanh các nhóm hàng cơ khí, luyện kim, hóa chất, dệt may, bia - rượu - nước giải khát; tập trung thu hút các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các nhóm hàng điện, điện tử, từng bước nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất kinh doanh các sản phẩm này.

- Tạo điều kiện thuận lợi, tập trung phát triển các doanh nghiệp tư nhân, thu hút khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào hoạt động sản xuất, thu mua, chế biến, bảo quản và tổ chức hệ thống tiêu thụ các sản phẩm nông - lâm - thủy sản, nâng cao trình độ chuyên môn hóa, chất lượng sản phẩm và tính bền vững của thị trường tiêu thụ.

5. Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại

Tiếp tục tập trung thu hút đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại của Vùng theo hướng đồng bộ, bền vững, đa dạng và hiện đại. Trong đó, coi trọng đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống chợ dân sinh, chợ đầu mối; tổ chức, bố trí hợp lý các trung tâm logistics phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của Vùng; phát triển từng bước, bảo đảm quy hoạch hợp lý hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại theo hướng vừa đa dạng hóa các loại hình phân phối vừa tạo sự cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy doanh nghiệp phân phối trong Vùng phát triển.

Đẩy mạnh quá trình xã hội hóa thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng chợ, bao gồm chợ dân sinh, chợ đầu mối, chợ chuyên doanh trên địa bàn Vùng. Trong đó, chú trọng phát triển hệ thống chợ tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Phấn đấu đến năm 2020, kiện toàn một bước cơ bản hạ tầng hệ thống chợ của Vùng.

Thu hút các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư hoặc liên doanh, liên kết đầu tư xây dựng hạ tầng siêu thị, trung tâm thương mại theo hướng gắn liền với cam kết đầu tư phát triển sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm hàng hóa sản xuất trong Vùng, đặc biệt là các sản phẩm nông - lâm - thủy sản.

Triển khai có hiệu quả định hướng phát triển các trung tâm logistics trên địa bàn Vùng bảo đảm theo quy hoạch và huy động sự tham gia của khu vực ngoài nhà nước, bao gồm cả các nhà đầu tư nước ngoài. Từng bước hình thành và phát triển hệ thống hạ tầng logistics thương mại của Vùng theo hướng hiện đại, tập trung.

Từng bước đầu tư phát triển và kiện toàn hệ thống hạ tầng các trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm thông tin của Vùng, phục vụ yêu cầu hỗ trợ cho hoạt động giới thiệu, trưng bày, quảng bá, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm hàng hóa của Vùng ngày càng hiệu quả.

IV. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN

1. Phân bố theo không gian

1.1. Quy hoạch mạng lưới chợ đầu mối và chợ hạng I

Phát triển hệ thống chợ đầu mối bán buôn, chợ hạng I tại các vùng sản xuất nông sản thực phẩm tập trung, có tính chuyên canh, quy mô lớn và ổn định hoặc tại vùng ngoại vi các thành phố, thị xã (đô thị hạng III trở lên) để cung ứng phát luồng hàng hóa cho mạng lưới bán lẻ (chủ yếu ở chợ dân sinh) ở nội đô.

Đến năm 2025, số lượng chợ đầu mối và chợ hạng I toàn Vùng là 66 chợ, trong đó giữ nguyên 23 chợ; nâng cấp, mở rộng 27 chợ và xây mới 16 chợ. Đến năm 2035, tổng số chợ đầu mối và chợ hạng I toàn Vùng là 81 chợ, trong đó giữ nguyên 23 chợ; nâng cấp, mở rộng 27 chợ và xây mới 31 chợ.

1.2. Quy hoạch mạng lưới siêu thị và trung tâm thương mại hạng I và hạng II

Phát triển siêu thị hạng I và hạng II trên địa bàn Vùng đến năm 2025 là 46 siêu thị, trong đó giữ nguyên và nâng cấp cải tạo 28 siêu thị và xây mới 18 siêu thị; đến năm 2035 là 62 siêu thị, trong đó giữ nguyên và nâng cấp cải tạo 46 siêu thị và xây mới 16 siêu thị.

Tổng số trung tâm thương mại hạng I và hạng II trên địa bàn Vùng đến năm 2025 là 22 trung tâm, trong đó giữ nguyên và nâng cấp cải tạo 17 trung tâm, xây mới 5 trung tâm. Đến năm 2035, số lượng trung tâm thương mại hạng I và hạng II toàn Vùng là 32 trung tâm, trong đó giữ nguyên và nâng cấp cải tạo là 25 trung tâm, xây mới 7 trung tâm.

1.3. Quy hoạch trung tâm hội chợ triển lãm

Phát triển các trung tâm hội chợ triển lãm cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh một cách hợp lý trên địa bàn Vùng. Trong đó, thời kỳ đến năm 2025 phát triển 3 trung tâm hội chợ triển lãm cấp quốc gia và cấp vùng, tiếp tục mở rộng quy mô đến năm 2035.

1.4. Quy hoạch trung tâm logistics

Quy hoạch hệ thống các trung tâm logistics cấp quốc gia và liên vùng có lợi thế về vị trí địa lý, gần nguồn cung cấp hàng hóa như khu công nghiệp, hệ thống cảng, cửa khẩu,... hoặc gần thị trường, gần khách hàng tiêu thụ. Trong đó, ưu tiên lựa chọn xác định các trung tâm logistics có lợi thế gần thị trường, gần địa bàn tiêu dùng tập trung, có sức tiêu thụ lớn và ổn định, gần các đô thị đông dân cư, thương mại phát triển, hoạt động mua bán sôi động, có mạng lưới phân phối rộng lớn và được phân bổ với mật độ cao.

Số lượng các trung tâm logistics cấp quốc gia và liên vùng đặt trên địa bàn Vùng đến năm 2025 là 3 trung tâm và đến năm 2035 là 5 trung tâm.

1.5. Quy hoạch trung tâm thông tin thương mại

Xây dựng hệ thống trung tâm thông tin thương mại cấp Vùng, trước mắt lấy Hà Nội, Hải Phòng làm trọng tâm. Giai đoạn tiếp theo, phát triển các trung tâm tại Quảng Ninh và khu vực Bắc Ninh - Hưng Yên - Hải Dương.

Quy hoạch đến năm 2025, toàn Vùng có 3 trung tâm thông tin thương mại tại Hà Nội và Hải Phòng và Quảng Ninh. Đến năm 2035, xem xét mở rộng các trung tâm hiện có và phát triển thêm mới trung tâm tại khu vực Bắc Ninh - Hưng Yên - Hải Dương.

1.6. Quy hoạch kho hàng

Xây dựng hệ thống kho hàng hóa phức tạp kết, lưu trữ, trung chuyển hàng hóa phục vụ phát triển thương mại của Vùng theo hướng chính là gắn với các khu công nghiệp, khu sản xuất nông nghiệp tập trung và gắn với hệ thống các chợ đầu mối cấp vùng, chợ hạng I và các trung tâm logistics, cảng cạn. Theo đó, đến năm 2025 trong Vùng phát triển 11 khu cụm kho hàng hóa tập trung, đến năm 2035 phát triển 17 khu cụm kho hàng hóa tập trung gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp, khu công nghiệp và các trung tâm logistics, chợ đầu mối trong Vùng.

2. Lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư

Các dự án ưu tiên đầu tư và thứ tự ưu tiên trong giai đoạn 2016 - 2025 tập trung vào các dự án sau đây:

2.1. Xây dựng và hoàn thiện 16 chợ đầu mối, nâng cấp cải tạo 27 chợ hạng I.

2.2. Xây dựng 3 trung tâm logistics cấp Vùng và 11 kho hàng hóa.

2.3. Xây dựng 3 trung tâm hội chợ triển lãm và 3 trung tâm cung cấp thông tin thương mại.

2.4. Thu hút nguồn lực xã hội hóa xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị ở các địa bàn trung tâm đô thị, trung tâm thị trường tiêu thụ sản phẩm trong Vùng.

(Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư tại Phụ lục đính kèm)

V. GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

1. Giải pháp, chính sách thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm trên thị trường nội địa

Tập trung hơn nữa nguồn lực dành cho công tác dự báo nhu cầu và tình hình thị trường, bảo đảm công tác dự báo, đánh giá xu hướng và nhu cầu thị trường phát huy vai trò thực sự, làm căn cứ quan trọng cho quá trình tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu sản phẩm mới và công tác ứng dụng khoa học công nghệ vào trong sản xuất cũng như quản lý của các doanh nghiệp, coi đây là nhân tố tạo đột phá trong phát triển của các doanh nghiệp cũng như của cả Vùng.

Nâng cấp trang thiết bị và đổi mới công nghệ sản xuất hàng hoá, mạnh dạn đầu tư những thiết bị và công nghệ hiện đại để tạo hiệu quả cao. Tăng cường áp dụng các công nghệ sản xuất sạch, bảo đảm cho quá trình phát triển một cách bền vững của Vùng.

Chủ động tổ chức nguồn cung, đặc biệt là đối với các nguyên - nhiên - vật liệu đầu vào chủ yếu phục vụ sản xuất thông qua các hệ thống đại lý cung ứng, các doanh nghiệp vệ tinh và thông qua liên kết các nhà mua hàng để giảm chi phí đầu vào của sản xuất.

Đầu tư thích đáng cho xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, bảo đảm nâng cao một bước tỷ lệ hàng hóa sản xuất được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về chất lượng sản phẩm. Coi đây là yêu cầu bắt buộc cần có để thúc đẩy sản xuất và thương mại của Vùng phát triển nhanh và bền vững trong những năm tới.

Phát huy vai trò của các hiệp hội ngành nghề trong liên kết sản xuất và tổ chức tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của Vùng.

2. Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Vùng

Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích hiện có của Chính phủ và các Bộ, ngành đối với từng sản phẩm và nhóm sản phẩm, đồng thời, Ủy ban nhân dân các tỉnh trong Vùng cần chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách riêng của địa phương nhằm tập trung thúc đẩy phát triển đối với các sản phẩm và nhóm sản phẩm có ưu thế của địa phương mình.

Xây dựng các chương trình, dự án, cơ chế, chính sách nhằm cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung định hướng, giải pháp và chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 -

2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với khâu tổ chức sản xuất, trên cơ sở các quy hoạch, chương trình, dự án phát triển vùng sản xuất hàng xuất khẩu tập trung có thế mạnh của Vùng, đầu tư một cách thoả đáng cho các lĩnh vực này.

Nghiên cứu lựa chọn thị trường xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với khả năng và lợi thế của từng tỉnh, thành phố trong Vùng. Đối với xuất khẩu các mặt hàng có hạn chế về số lượng, chủng loại và chất lượng, cần tập trung vào các thị trường gần, truyền thống như ASEAN, Trung Quốc; đối với các mặt hàng có sản lượng lớn, ổn định và chất lượng cao, cần từng bước củng cố và phát triển bền vững đối với các thị trường khác như Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ.

Đổi mới chính sách hỗ trợ phát triển xuất khẩu thông qua các hoạt động nâng cao năng lực tiếp cận thông tin thị trường, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, tổ chức quản lý bán hàng... nhằm hỗ trợ một cách có hiệu quả và bền vững hơn cho các doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, trong đó tập trung vào các hoạt động nhằm tạo cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp, tư vấn kinh doanh cho các doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ) về thị trường; giới thiệu doanh nghiệp và tìm kiếm bạn hàng; phổ biến thông tin thị trường trong và ngoài nước.

Xây dựng hệ thống thông tin thị trường cấp Vùng để cung cấp cho các doanh nghiệp trên cơ sở huy động nguồn lực xã hội hóa cùng với nguồn hỗ trợ của ngân sách địa phương. Hỗ trợ các nhà sản xuất, xuất khẩu vượt qua các rào cản thương mại và phi thương mại, ứng phó hiệu quả các biện pháp tự vệ của thị trường nhập khẩu đối với hàng hoá xuất khẩu trên cơ sở tận dụng các thỏa thuận ưu đãi về xuất nhập khẩu hàng hóa mà Việt Nam đã ký kết.

3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển thương mại

Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào ngành thương mại. Hỗ trợ các doanh nghiệp thương mại về đào tạo nghiệp vụ kinh doanh thương mại nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các kênh tư vấn và những ưu đãi đặc biệt. Đồng thời, các doanh nghiệp thương mại phải tập trung xây dựng thương hiệu tốt trên thị trường, đề ra quy trình sử dụng nhân lực minh bạch, dựa trên năng lực thực tế để bố trí sử dụng và có chính sách đãi ngộ về lương và thưởng, về cơ hội thăng tiến, về môi trường làm việc phù hợp.

Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trong ngành thương mại: Hỗ trợ đào tạo nghề để phát triển đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề đủ khả năng nắm bắt và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật và công nghệ hiện đại tại các siêu thị, trung tâm thương mại, chợ đầu mối,... Đối với vấn đề đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên tại các chợ, siêu thị, trung

tâm thương mại,... cần phân loại và có kế hoạch đào tạo phù hợp với trình độ và độ tuổi của người lao động.

Tranh thủ các nguồn vốn trong và ngoài nước để hỗ trợ đào tạo cho các doanh nghiệp; phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước.

4. Giải pháp, chính sách phát triển khoa học công nghệ hỗ trợ quản lý và kinh doanh thương mại

Thực hiện đúng và đầy đủ các chính sách khuyến khích các tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ công lập đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Củng cố và hình thành một số trung tâm nghiên cứu về thương mại có đủ năng lực, trình độ để tiếp cận, khai thác, đánh giá thông tin một cách nhanh nhạy và chính xác. Đồng thời, có chính sách hỗ trợ một phần kinh phí để đổi mới, chuyển giao công nghệ.

Dành một phần ngân sách địa phương hàng năm để hỗ trợ cho nghiên cứu triển khai áp dụng các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, áp dụng các giải pháp hữu ích để phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, đầu tư cho lĩnh vực thông tin xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường và thu hút đầu tư, hợp tác kinh doanh cho các lĩnh vực ưu tiên của Vùng...

Xây dựng và khai thác có hiệu quả cổng thông tin chung của vùng về xúc tiến thương mại và đầu tư của Vùng trên cơ sở đóng góp nguồn lực từ các địa phương trong vùng. Thực thi tốt các chính sách có liên quan của Nhà nước về hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới khoa học công nghệ.

5. Giải pháp tăng cường năng lực quản lý nhà nước đối với thương mại

Thực hiện một cách thường xuyên kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý trong lĩnh vực thương mại ở các sở, ngành, cơ quan quản lý ở các địa phương trong vùng.

Tổ chức các lớp tập huấn, cập nhật kiến thức về xu hướng phát triển thương mại, đầu tư trong khu vực và thế giới, các cơ chế, chính sách mới và nội dung các cam kết quốc tế nhằm chủ động nắm bắt, nâng cao hiệu quả thực thi nhiệm vụ quản lý.

Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch đào tạo chuyên sâu ở trong nước và ngoài nước cho một số lượng nhỏ đối tượng là cán bộ quản lý chủ chốt, có tiềm năng phát triển để từ đó làm nòng cốt thực hiện các chương trình đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ quản lý của địa phương trong Vùng.

Thực hiện thường xuyên công tác rà soát cơ chế, chính sách quản lý trong lĩnh vực thương mại để tiến hành điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

Tập trung đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu thời gian, chi phí tiếp cận các dịch vụ công của doanh nghiệp.

6. Giải pháp phát triển thương mại trên cơ sở bảo đảm tính liên kết giữa các địa phương trong và ngoài Vùng

Liên kết trong xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch phát triển trong lĩnh vực thương mại và các lĩnh vực có liên quan khác. Theo đó, rà soát đề xây dựng, cập nhật và thực hiện các nội dung quy hoạch phát triển thương mại của các địa phương trên cơ sở định hướng quy hoạch chung trong phát triển thương mại của vùng.

Liên kết trong tổ chức sản xuất và phân phối, tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa sản xuất trong vùng, trước mắt tập trung vào các sản phẩm hàng hóa chủ lực gồm nhóm sản phẩm nông lâm thủy sản, nhóm sản phẩm công nghiệp nhẹ, nhóm sản phẩm cơ khí, điện tử, hóa chất..., trên cơ sở phối hợp trong phân vùng sản xuất và phối hợp trong đầu tư các cơ sở chế biến, bảo quản và phân phối các sản phẩm này.

Liên kết trong hoạt động thu hút đầu tư và xúc tiến thương mại. Cần có sự phân công, phối hợp trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thu hút đầu tư và xúc tiến thương mại giữa các địa phương trong Vùng trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh và điều kiện của mỗi địa phương trong Vùng, qua đó giảm thiểu chi phí, tiết kiệm nguồn lực và nâng cao hiệu quả thực hiện.

Liên kết trong việc tổ chức đầu tư xây dựng và khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại. Tập trung nâng cao hiệu quả trong công tác phối hợp thu hút nguồn lực đầu tư, thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác trong lĩnh vực này. Trong đó, coi trọng phát triển hệ thống hạ tầng chợ với các chợ đầu mối cấp vùng, tập trung đầu tư phát triển một số trung tâm logistics và trung tâm hội chợ triển lãm có quy mô phù hợp và trình độ hiện đại để tạo sự chuyên biến mạnh mẽ trong công tác thuận lợi hóa hoạt động thương mại của Vùng.

7. Giải pháp phát triển hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp thương mại

Các địa phương trong Vùng cần phối hợp chặt chẽ trong việc nâng cao năng lực cung cấp thông tin, dự báo thị trường cho các doanh nghiệp trong tỉnh, trong Vùng, trong đó đặc biệt chú trọng đến cung cấp thông tin về pháp luật, thông tin về cơ hội hợp tác kinh doanh; thông tin dự báo thị trường của các cơ quan dự báo có uy tín trong nước và quốc tế.

Cung cấp thông tin về hoạt động xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp trên địa bàn nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động xúc tiến thương mại trong phát triển các thị trường mục tiêu, thị trường trọng điểm và thị trường cho ngành hàng có thế mạnh của Vùng.

Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho việc cung cấp thông tin, phát triển thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn ứng

dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử để nâng cao hiệu quả điều hành, phát triển sản xuất kinh doanh.

8. Giải pháp, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại

a) Thực hiện mạnh mẽ hoạt động xã hội hóa công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại của Vùng, trong đó lấy phương thức hợp tác công tư (PPP) làm nòng cốt

Huy động sự tham gia của các doanh nghiệp trong nước: thu hút khu vực kinh tế tư nhân đầu tư phát triển kinh doanh thương mại tại các khu vực trọng điểm ưu tiên phát triển thương mại; sử dụng công cụ thuế và tín dụng để khuyến khích các doanh nghiệp thương mại tư nhân mở rộng quy mô vốn; khuyến khích các doanh nghiệp thương mại tăng quy mô vốn kinh doanh và tăng hiệu quả đầu tư thông qua việc áp dụng chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Huy động sự tham gia của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: tăng cường công tác cải cách hành chính, trong đó phải bảo đảm yêu cầu trọng tâm là minh bạch hóa, đơn giản thủ tục hành chính trong quá trình kêu gọi đầu tư; các địa phương nghiên cứu, xây dựng và ban hành các quy định cụ thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tập đoàn, công ty lớn của quốc tế và khu vực vào đầu tư xây dựng các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại thiết yếu.

- Nhanh chóng nghiên cứu, xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của các địa phương trong Vùng theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Coi đây là trọng tâm trong công tác xã hội hóa hoạt động đầu tư của Vùng trong phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội chung của Vùng.

b) Có kế hoạch và phân bổ nguồn lực thích đáng từ ngân sách đầu tư phát triển của từng địa phương và nguồn đầu tư từ ngân sách Trung ương cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại của Vùng

Các địa phương trong Vùng cần xác định việc đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại là đầu tư cho hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu của địa phương, coi đây là điều kiện trọng yếu để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung và thương mại nói riêng của Vùng và của từng địa phương

Khẩn trương thực hiện việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 và hàng năm theo tinh thần Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, nhằm nâng cao hiệu quả công tác đầu tư nói chung và đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại nói riêng của Vùng trong thời gian tới.

c) Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của Chính phủ và các Bộ, ngành về đầu tư trong các lĩnh vực liên quan để hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ hoạt động thương mại của Vùng

Đối với các cơ chế chính sách về đất đai: khi xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần dành quỹ đất hợp lý cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, vừa bảo đảm nhu cầu hiện tại, vừa phù hợp với sự gia tăng của các dự án đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động của các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại trong tương lai. Đồng thời, có giải pháp và chính sách tích cực, đồng bộ trong việc giải phóng mặt bằng nhằm tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư khi xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại trên địa bàn.

Đối với chính sách tín dụng:

- Các doanh nghiệp kinh doanh và quản lý các công trình kết cấu hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại, trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm logistics) được phép quy định giá cho thuê diện tích kinh doanh, các loại phí dịch vụ dựa trên khung giá quy định của cấp có thẩm quyền.

- Áp dụng Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đối với đầu tư vào các kết cấu hạ tầng thương mại ở nông thôn, đặc biệt là hạ tầng chợ.

Đối với chính sách thuế: Áp dụng chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các chủ thể sản xuất, kinh doanh đầu tư xây dựng chợ (bao gồm cả nâng cấp, cải tạo, mở rộng quy mô của các loại hình và cấp độ chợ) theo nguyên tắc: mức giảm thuế tăng theo mức độ khó khăn về kinh tế - xã hội của địa bàn đầu tư, nhằm khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư bỏ vốn vào việc phát triển chợ (nhất là ở địa bàn có cơ sở hạ tầng thấp kém, kinh tế - xã hội kém phát triển).

Đối với các doanh nghiệp phát triển kết cấu hạ tầng thương mại áp dụng phương thức kinh doanh hiện đại, được hưởng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập để hỗ trợ doanh nghiệp tích tụ vốn phục vụ cho quá trình phát triển theo quy định của Chính phủ (giãn nộp, miễn nộp có thời hạn khi doanh nghiệp sử dụng lợi nhuận sau thuế để tái đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, mở rộng quy mô kinh doanh).

Áp dụng chính sách miễn, giảm thuế nhập khẩu đối với các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của các công trình hạ tầng thương mại như nhà đầu tư nước ngoài cùng lĩnh vực hoặc như các doanh nghiệp sản xuất có dự án thuộc diện khuyến khích đầu tư.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định, đánh giá đầu tư trong lĩnh vực thương mại để nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng và khai thác hệ thống hạ tầng thương mại của Vùng

Tăng cường công tác giám sát, đánh giá, thẩm định đầu tư đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại để nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển hệ thống kết cấu thương mại của Vùng theo tinh thần của Nghị định số

84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

Xử lý nghiêm và kịp thời những vi phạm trong công tác đầu tư, đồng thời bảo đảm đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại của Vùng để đưa vào hoạt động đúng theo tiến độ kế hoạch đề ra.

Nâng cao năng lực của các cơ quan kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư của các địa phương trong Vùng, công bố rộng rãi và kịp thời các thông tin về kết quả giám sát, đánh giá đầu tư trong lĩnh vực đầu tư nói chung và đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại nói riêng của Vùng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các bộ, ngành

1.1. Bộ Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan công bố, thực hiện quy hoạch này, trong đó tập trung vào những công việc chủ yếu sau đây:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các tỉnh, thành phố trong Vùng triển khai thực hiện quy hoạch, trong đó có các dự án kết cấu hạ tầng thương mại thuộc danh mục ưu tiên đầu tư đến năm 2025.

b) Rà soát cơ chế, chính sách và pháp luật có liên quan đến phát triển, quản lý hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại để sửa đổi, bổ sung và ban hành theo thẩm quyền hoặc thống nhất với các bộ, ngành liên quan trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung.

c) Phối hợp với các tỉnh tổ chức phổ biến, tuyên truyền về cơ chế, chính sách, pháp luật về phát triển thương mại cho các cán bộ quản lý nhà nước và thương nhân trên địa bàn.

1.2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Lao động, Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Công Thương triển khai thực hiện các giải pháp, chính sách trong quy hoạch này.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng

Chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

a) Đối với các địa phương đã có quy hoạch phát triển thương mại trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, tiến hành rà soát các nội dung có liên quan, nếu chưa phù hợp với quy định của Quyết định này phải tiến hành điều chỉnh, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

b) Đối với các địa phương chưa có quy hoạch phát triển thương mại cần khẩn trương xây dựng quy hoạch phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch này.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển thương mại Vùng, các địa phương căn cứ vào mục tiêu, định hướng, phương án quy hoạch quy định tại Quyết định này và danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2025 tại Phụ lục kèm theo để lập kế hoạch triển khai (có thứ tự ưu tiên và lộ trình thực hiện) phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn từng tỉnh. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2025 có thể được điều chỉnh để phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội và sự phát triển thương mại của từng địa phương; tuy vậy, trước khi quyết định điều chỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trao đổi và thống nhất với Bộ Công Thương.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân các tỉnh trong việc xây dựng, thẩm định và hướng dẫn thực hiện các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên địa bàn theo quy hoạch và kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các giải pháp nhằm huy động, khai thác các nguồn lực của địa phương (nhất là nguồn lực của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế) và các tổ chức, cá nhân khác để phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên địa bàn.

e) Định kỳ hàng năm, báo cáo Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình và kết quả thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Quảng Ninh;
- Bộ Công Thương: Các Thứ trưởng, Công thông tin điện tử, các Vụ, Cục, Tổng cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TTTN (6b).



Vũ Huy Hoàng

Phụ lục:

DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **450** /QĐ-BCT ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Danh mục đầu tư	Tỉnh/thành phố
1.	16 chợ đầu mối nông sản tổng hợp, chợ đầu mối rau quả, chợ đầu mối thủy sản	Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh
2.	Nâng cấp cải tạo 27 chợ hạng I	Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc
3.	03 trung tâm hội chợ triển lãm cấp quốc gia và liên vùng	Hà Nội
4.	03 trung tâm Logistics cấp quốc gia và liên vùng	Hà Nội, hành lang Đông Bắc Bắc Bộ (Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng - Quảng Ninh - Đông Bắc Hà Nội), khu vực gần với cảng hàng không Nội Bài
5.	03 trung tâm thông tin thương mại	Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh
6.	11 cụm kho hàng hóa gắn với các trung tâm logistics, chợ đầu mối, khu công nghiệp, vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc